

HOÀN THIÊN VƯƠNG BỔ TÂM**Công thức**

Dan sâm (<i>Salviae miltiorrhizae Radix et Rhizoma</i>)	25 g
Huyền sâm (<i>Scrophulariae Radix</i>)	25 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	100 g
Viễn chí chích cam thảo (<i>Polygalae Radix Praeparata</i>)	25 g
Toan táo nhân sao (<i>Ziziphi mauritanae Semen Praeparatus</i>)	100 g
Đàn sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	25 g
Bá tử nhân (<i>Platycladi orientalis Semen</i>)	100 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	25 g
Cát cánh (<i>Platycodonis grandiflori Radix</i>)	25 g
Ngũ vị tử (<i>Schisandrae chinensis Fructus</i>)	50 g
Mạch môn (<i>Ophiopogonis japonici Radix</i>)	100 g
Chu sa (<i>Cinnabaris</i>)	10 g
Thiên môn đông (<i>Asparagi cochinchinensis Radix</i>)	100 g
Sinh địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix</i>)	200 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Thủy phi Chu sa đạt yêu cầu thành bột rất mịn. Sấy khô và tán các vị thuốc còn lại thành bột mịn qua rây số 180. Trộn thật đều các vị với Chu sa theo nguyên tắc đồng lượng, rây. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột thuốc, thêm 20 g đến 30 g mật ong đã tinh chế với một lượng nước thích hợp. Nếu làm hoàn mềm thì lấy 100 g bột thuốc, thêm 50 g đến 70 g mật ong đã luyện thành châu. Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng màu đen hơi nâu.

Hoàn mềm màu đen nâu, mùi thơm nhẹ. Vị ngọt, hơi đắng.

Định tính

A. Định tính Bạch linh, Ngũ vị tử, Mạch môn

Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột của mẫu chuẩn Bạch linh, Ngũ vị tử, Mạch môn thấy: Những khối không màu, phân nhánh không đều, sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, đường kính 3 µm đến 8 µm của Bạch linh. Tế bào đá hình thoi hoặc hình nhiều góc với một đầu hơi nhọn và màng dày hơn, có những hố xếp rải rác. Tế bào đá màu nâu vàng nhạt hoặc không màu, hình chữ nhật nhỏ, tròn nhỏ, hay không đều, đường kính khoảng 94 µm. Tế bào đá hình chữ nhật hoặc hình dài dài, đường kính 50 µm đến 110 µm với nhiều hố nhỏ. Tế bào đá của vỏ biểu bì màu nâu vàng nhạt, nhìn theo bề mặt có hình đa diện nhỏ, màng dày có kênh lỗ dày đặc, khoang chứa chất màu nâu thẫm của Ngũ vị tử. Tinh thể calci oxalat hình kim tự thành bó hoặc rải rác, dài 24 µm đến 50 µm, đường kính khoảng 3 µm của Mạch môn.

B. Định tính Chu sa: Rửa 1 g hoặc 1/2 viên hoàn bằng nước, sẽ thu được một lượng nhỏ tủa màu đỏ son. Lấy tủa ra, tắm ướt bằng acid hydrochloric (TT) và cọ lên bề mặt

nhấn của một miếng đồng, thấy xuất hiện màu lấp lánh trắng bạc. Màu này sẽ mất đi khi hơi nóng hoặc nung.

C. Định tính Đương Quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-hexan - ethyl acetat (9 : 1)

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm, tán thành bột thô hoặc cắt nhỏ, thêm 30 ml ether ethylic (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc lấy dịch chiết. Chiết như trên thêm một lần nữa. Gộp các dịch chiết ether, để bay hơi tự nhiên đến khô. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 15 ml ether ethylic (TT) rồi tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 15 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 5 h).

Độc tính bất thường

Thử theo Phụ lục 13.5. Lấy 3,2 g bột viên, thêm 10 ml nước cất, nghiền nhuyễn và lắc đều. Cho chuột uống với liều 1 ml/chuột.

Bảo quản

Để nơi khô mát, trong đồ đựng kín.

Công năng, chủ trị

Tư âm dưỡng huyết, bổ tâm an thần. Chủ trị: Âm huyết bất túc, hồi hộp, hay quên, tâm phiền mất ngủ, ngủ hay mê, táo bón.

Cách dùng, liều lượng

Uống một ngày hai lần, mỗi lần 6 g đến 9 g hoàn.

HOÀN TIÊU DAO**Công thức**

Sài hồ (<i>Bupleuri chinensis Radix</i>)	100 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	100 g
Bạch thược (<i>Paeoniae Radix Alba</i>)	100 g
Bạch trạch sao cam	
(<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma Praeparatum</i>)	100 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	100 g
Cam thảo chích mật (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma praeparatum cum Melle</i>)	80 g
Bạc hà (<i>Menthae Herba</i>)	20 g
Gừng tươi nướng (<i>Zingiberis Rhizoma Recens Praeparatum</i>)	100 g

Bào chế

Các vị thuốc (trừ gừng tươi nướng) được sấy khô. Nghiền mỗi vị thuốc thành bột mịn. Trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Lấy gừng tươi đã nướng, rửa sạch, thái lát, sắc với nước vài lần, lọc. Gây nhân làm hoàn cứng với tá dược dính là nước sắc gừng và sấy khô.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng có màu nâu tới màu nâu hơi vàng, vị ngọt hơi cay.

Định tính

A. Định tính Bạch linh, Cam thảo: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Bạch linh và Cam thảo (mẫu chuẩn), chế phẩm phải có các khối phân nhánh không đều, không màu, sợi nấm không màu hay nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Bạch linh; các bó sợi mang tinh thể calci oxalat hình lăng trụ của Cam thảo.

B. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm đã tán thành bột mịn, thêm 30 ml ether ethylic (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn khô. Hòa cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml ether ethylic (TT), lắc trên máy lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Bạch thược

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - acid acetic - acid formic - nước (10 : 1 : 1 : 1), lắc đều, để yên cho tách lớp, lấy lớp trên.

Dung dịch thử: Lấy 10 g hoàn đã nghiền mịn, thêm 80 ml ethanol (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn khô, hòa tan cồn trong 20 ml nước, chiết bằng *n*-butanol bão hòa nước (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng nước 3 lần, mỗi lần 15 ml, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết còn lại trên cách thủy đến cạn khô. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g bột thô Bạch thược (mẫu chuẩn), thêm 20 ml ethanol (TT), lắc siêu âm 20 min,

lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn, hòa tan cồn trong 20 ml nước, chiết bằng *n*-butanol bão hòa nước (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng nước 3 lần, mỗi lần 15 ml, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết còn lại trên cách thủy đến cạn khô. Hòa tan cồn trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 110 °C cho đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 9,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát, tránh ẩm.

Công năng, chủ trị

Sơ can, kiện tỳ. Chủ trị: Can khí uất tỳ hư gây nên ngực, sườn đau trướng, hoa mắt, chóng mặt, miệng, khô, họng táo, kém ăn, rối loạn kinh nguyệt.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g đến 9 g hoàn, ngày 1 đến 2 lần.